

NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VÀ GIẢM BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỂ GIẢM THÂM HỤT THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM

PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH*

1. Đặt vấn đề

Không ai có thể phủ nhận sự thật rằng trong những năm qua, nền kinh tế VN đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh, liên tục và luôn xếp vào nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh của châu Á và thế giới, cho dù trong thời điểm kinh tế thế giới rơi vào suy thoái nặng. Thành tựu đó có được nhờ những nỗ lực mở cửa nền kinh tế và đẩy mạnh hoạt động thương mại quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, tăng kim ngạch xuất nhập khẩu. Ngoài ra, Chính phủ cũng rất nỗ lực theo đuổi chiến lược thay thế nhập khẩu nhằm giảm dần việc xuất khẩu sản phẩm thô kém hiệu quả và lãng phí tài nguyên, tăng đầu tư phát triển sản xuất trong nước bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó chú trọng tiết kiệm trong nền kinh tế, vay từ bên ngoài đến kêu gọi đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tình trạng thâm hụt cán cân thương mại của VN tiếp tục gia tăng và chưa có dấu hiệu giảm.

Thâm hụt cán cân thương mại của VN hiện nay có nguyên nhân sâu xa từ chính nhược điểm của mô hình tăng trưởng kinh tế mà VN đang áp dụng. Mô hình này vẫn dựa vào thâm dụng vốn chứ không phải công nghệ và lao động, trong đó lao động là nguồn lực nhiều và dư thừa của nước ta. Hiện nay, nền kinh tế VN đang có xu hướng đầu tư nhiều hơn khả năng tiết kiệm trong nước và bù đắp bằng vay nợ và thâm hụt ngân sách; tình trạng này còn kéo dài không dừng ở đó với các dự án rất lớn về cơ sở hạ tầng đang thai nghén. Chính dòng vốn ra nước ngoài ròng bằng chênh lệch giữa tiết kiệm trong nước và đầu tư trong nước luôn âm đã tạo áp lực kép: phải nhập khẩu nhiều và tăng tỷ giá hối đoái thực của VN. Bài viết này sẽ xem xét những ảnh hưởng từ tình

trạng hiệu quả đầu tư chưa cao và thâm hụt ngân sách tới cán cân thương mại của VN, qua đó đề xuất những kiến nghị góp phần giải quyết tình trạng thâm hụt cán cân thương mại của VN.

2. Mối quan hệ giữa cán cân thương mại với tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế mở

Trong nền kinh tế mở có nhiều biến số vĩ mô rất quan trọng như: tăng trưởng, tiết kiệm đầu tư, cán cân thương mại... Cán cân thương mại phản ánh mối quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu của một quốc gia. Trong khi tiết kiệm và đầu tư phản ánh quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường vốn. Mankiw (2003) đã phản ánh mối quan hệ giữa hai thị trường này bằng phương trình (*) trên cơ sở phương trình thu nhập quốc dân trong nền kinh tế mở.

$$NX = S - I (*)$$

Trong đó, NX là cán cân thương mại, S là tiết kiệm trong nước và I là đầu tư trong nước.

Vế phải là vốn ra nước ngoài ròng (Net Capital Outflow) và bằng chênh lệch của tiết kiệm trong nước so với đầu tư trong nước; bằng số tiền mọi người trong nước cho nước ngoài vay trừ số tiền người nước ngoài cho người nước mình vay.

Phương trình (*) hàm ý rằng vốn ra nước ngoài ròng phải cân bằng với cán cân thương mại trong dài hạn. Theo thời gian khi nền kinh tế đang xét tiết kiệm nhiều hơn nhu cầu đầu tư cho các dự án của nó thì phần tiết kiệm chưa được tài trợ cho các dự án trong nền kinh tế sẽ được dùng cho người nước ngoài vay. Khi các dự án của nước ngoài cần khoản vay này, các doanh nghiệp của nền kinh tế đó sẽ cung cấp cho tác nhân nước ngoài nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn so với họ cung cấp cho các tác nhân bên trong nền kinh tế

đó, tức nền kinh tế đó thặng dư thương mại. Ngược lại, khi nền kinh tế đang xét tiết kiệm ít hơn nhu cầu đầu tư của các dự án trong nền kinh tế đó thì phần chênh lệch ít hơn này phải được tài trợ bằng nguồn vốn vay nước ngoài. Những khoản nợ này dẫn tới việc nền kinh tế đó phải nhập khẩu nhiều hàng hóa và dịch vụ so với xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ra nước ngoài, tức họ thâm hụt cán cân thương mại. Nghĩa là sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường vốn trong nền kinh tế mở sẽ kéo theo những thay đổi dòng hàng hóa dịch vụ ra vào mỗi nền kinh tế.

Phương trình (*) cho thấy các yếu tố tiết kiệm S và đầu tư I quy định cán cân thương mại NX . Nhưng tiết kiệm phụ thuộc vào chính sách tài chính nên khi chính phủ giảm mua hàng hoặc tăng thu thuế nhiều hơn sẽ làm tăng tiết kiệm quốc dân. Đầu tư thay đổi theo lãi suất thế giới r^* và tỷ lệ nghịch với lãi suất thế giới. Mankiw (2000) khi phân tích số liệu tiết kiệm, đầu tư, cán cân thương mại và tình trạng thâm hụt ngân sách của nước Mỹ từ 1960 tới 1995 cũng đã khẳng định điều này. Từ 1960 tới 1980, ngân sách của chính phủ luôn cân bằng, thậm chí thặng dư; người dân Mỹ tiết kiệm nhiều hơn đầu tư trong nước; và cũng trong thời gian này cán cân thương mại cân bằng. Sau năm 1980, tình trạng thâm hụt ngân sách lớn xảy ra khi chính phủ Mỹ áp dụng chính sách tài chính mở rộng bằng cách cắt giảm đáng kể thuế thu nhập cá nhân (1981-1984), tiết kiệm quốc dân giảm đáng kể và cán cân thương mại càng thâm hụt.

Không dừng ở đó nếu, khi xem xét ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái thực tế (ϵ) tới cán cân thương mại, Mankiw (2000) khẳng định đây là tương quan nghịch biến (tức là tỷ giá hối đoái thực tế tăng thì cán cân thương mại giảm). Tỷ giá hối đoái thực tế tỷ lệ thuận với tỷ giá hối đoái danh nghĩa ($e =$ số ngoại tệ/ 1 đơn vị nội tệ) và tương quan giá cả trong và ngoài nước. Khi đó, phương trình (*) sẽ được viết thành:

$$NX(\epsilon) = S - I(**)$$

Phương trình (**) này hàm ý rằng tỷ giá hối đoái thực tế điều chỉnh cân bằng thị trường ngoại hối với vế trái là cầu ngoại hối và vế phải là cung ngoại hối. Khi cán cân thương mại thâm hụt, lúc đó các doanh nghiệp tại VN sẽ cầu ngoại tệ để thanh toán, khi đó nền kinh tế phải vay vốn nước ngoài bằng ngoại tệ do $S < I$, đó sẽ là nguồn cung

ngoại tệ. Tương tự, trường hợp cán cân thương mại thặng dư hàm ý người nước ngoài mua hàng hóa và dịch vụ của VN nhiều hơn và họ cần tiền Việt để thanh toán và sẽ được đáp ứng bằng cung tiền Việt lúc này $S > I$. Từ phương trình này cho thấy những yếu tố ảnh hưởng tới tiết kiệm, đầu tư sẽ ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái thực tế qua đó ảnh hưởng tới cán cân thương mại. Chẳng hạn, khi chính phủ tăng chi tiêu công và giảm thuế để kích cầu dẫn tới bội chi ngân sách và tiêu dùng giảm làm tiết kiệm quốc dân giảm, cùng với quá trình đó chính phủ lại khuyến khích đầu tư trong nước. Cả hai chính sách này tạo ra tác động kép: (1) giảm dòng vốn ra nước ngoài ròng và (2) áp lực tăng tỷ giá hối đoái thực tế do đó cán cân thương mại của VN thâm hụt.

Như vậy, dựa vào 2 phương trình trên sẽ giúp chúng ta phân tích ảnh hưởng từ những thay đổi kinh tế tới cán cân thương mại, cụ thể ở đây là sự thay đổi từ chính sách của VN như: chính sách tài chính, đầu tư và thương mại...

3. Tình hình thâm hụt thương mại của VN

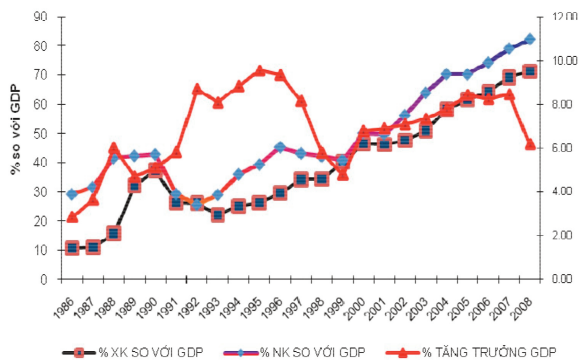
Kể từ khi tiến hành đổi mới năm 1986, hoạt động thương mại quốc tế của VN phát triển mạnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng từ 0,798 tỷ USD năm 1986 lên 62,68 tỷ USD, tức tăng khoảng 82 lần, giai đoạn từ 2005 tới 2008 kim ngạch tăng gấp đôi so với giai đoạn 1986-2004, tác động từ việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) của VN. Thị trường xuất khẩu mở rộng đến hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ. Cơ cấu hàng xuất khẩu đã có những thay đổi nhất định, chuyển dần từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh. Tỷ lệ hàng xuất khẩu thô giảm từ 70% giai đoạn 1986-1990 xuống còn 45% năm 2008, hàng qua chế biến tăng từ 30% lên 55%, tuy nhiên sự thay đổi này khá chậm.

Nhập khẩu cũng tăng theo sự phát triển kinh tế, từ 2,15 tỷ USD năm 1986 đã tăng lên 80,7 tỷ USD, tăng gần 40 lần. Cơ cấu hàng nhập khẩu của VN chủ yếu là tư liệu sản xuất chiếm tới 90%, hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng nhỏ.

Tỷ lệ xuất khẩu và nhập khẩu so với GDP tăng liên tục trong suốt những năm qua. Tỷ lệ của xuất khẩu từ 10% GDP năm 1986 đã tăng lên 70% GDP năm 2008, nhưng nhập khẩu tăng nhanh, từ 29% lên 82% trong cùng kỳ như Hình 1. Trong điều kiện kinh tế tăng trưởng liên tục thì sự gia tăng nhanh của nhập khẩu khiến cán cân thương

QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU Ở VN

mại của VN thâm hụt. Tuy nhiên, thâm hụt cán cân thương mại diễn ra triền miên từ 1986 đến nay, thấp nhất 2,5% GDP cao nhất năm 2008 là 16% GDP. Hình 2 phần dưới cho thấy những năm kinh tế tăng trưởng mạnh thì tỷ lệ thâm hụt cao hơn, chẳng hạn ở thời điểm 1995-1996 hay 2004-2005 tăng trưởng GDP cao cũng thâm hụt nhiều. Cho dù thâm hụt cán cân thương mại lớn và nó tác động tiêu cực tới tăng trưởng nhưng tăng trưởng vẫn tăng. Như vậy, dưới góc độ tổng cầu tác động tiêu cực này, thâm hụt thương mại được triệt tiêu bởi tiêu dùng và đầu tư ở VN và nền kinh tế vẫn tăng trưởng liên tục. Tuy nhiên, tăng trưởng sẽ cao hơn nếu thâm hụt giảm. Liệu thâm hụt này có quan hệ với các hoạt động trong nền kinh tế như chính sách tài chính hay đầu tư hay không, chúng ta sẽ xem xét dưới đây.



Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP và tỷ lệ xuất nhập khẩu so với GDP

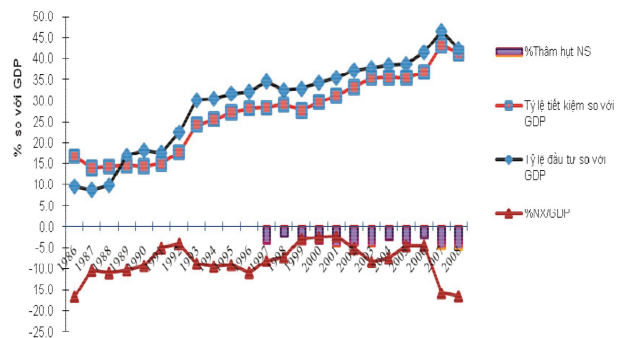
Nguồn: Tổng cục Thống kê: số liệu 20 năm đổi mới, xuất nhập khẩu VN sau 20 năm đổi mới, số liệu thống kê VN thế kỷ XX; Niên giám thống kê VN năm 2008; Tổng cục Thống kê năm 2009.

Thành quả của quá trình tăng trưởng kinh tế của nước ta suốt 23 năm đổi mới có được nhờ chú trọng đầu tư phát triển là khó phủ nhận, nhưng cũng cần xem xét những mặt trái và hạn chế một khi VN muốn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong thập kỷ tới và tránh cái bẫy của nước trung bình. Chúng ta sẽ xem xét tình hình đầu tư ở phần dưới.

4. Tiết kiệm, đầu tư và thâm hụt ngân sách ở VN

Sự thành công của phát triển của kinh tế VN trong quá trình đổi mới chịu ảnh hưởng không chỉ từ sự mở cửa hội nhập, phát triển thương mại quốc tế mà do tiêu dùng và đầu tư lớn trong nền kinh tế. Quy mô đầu tư tăng mạnh, năm 1986 tổng vốn

đầu tư chỉ 100 tỷ đồng thì năm 2008 là 620.000 tỷ đồng theo giá thực tế. Tỷ trọng của đầu tư so với GDP tăng từ 9% lên 42% trong cùng kỳ (Hình 2); trung bình thời kỳ 1987-1990 là 11,5%, 1991-1995 là 22,3%, và 1996-2009 là 13,2%. Đầu tư từ các tác nhân như Chính phủ, tư nhân trong nước và nước ngoài đều tăng, thời kỳ 1995-2009, tốc độ tăng trung bình đầu tư công là 14,1% năm và tư nhân là 12,4% năm và đầu tư nước ngoài tăng 28,3%. Trong tổng đầu tư thì tỷ trọng đầu tư công của VN thường chiếm lớn trên 40%, đặc biệt giai đoạn 1998-2006 luôn trên 50%, sau đó có giảm nhưng năm 2009 vẫn đạt gần 47%. Kết quả của quá trình này đã đem tới cho nền kinh tế một lượng vốn sản xuất to lớn và nâng cao năng lực sản xuất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.



Hình 2. Tiết kiệm, đầu tư cán cân thương mại của VN

Nguồn tiết kiệm trong nước dùng tài trợ cho các dự án đầu tư trong nền kinh tế VN những năm qua cũng tăng lên liên tục nhờ nỗ lực tiết kiệm trong nước nhằm huy động nguồn lực cho phát triển. Tỷ trọng của tiết kiệm so với GDP tăng từ 15% GDP năm 1986 lên 41% GDP năm 2008 (Hình 3).

So sánh giữa tiết kiệm và đầu tư trong thời kỳ 1986-2008 trên Hình 2, chỉ có ba năm 1986-1988, tiết kiệm trong nước của VN mới cao hơn đầu tư trong nước, còn từ 1989 trở đi nhu cầu đầu tư ở VN luôn lớn hơn so với tiết kiệm trong nước. Nền kinh tế thiếu vốn cho các dự án đầu tư sẽ phải tìm thêm nguồn tài trợ bằng nhiều nguồn khác nhau như: thu hút đầu tư nước ngoài, vay nợ từ nước ngoài...

Do số liệu thống kê thiếu, nghiên cứu này chỉ

có được số liệu về tình hình ngân sách VN từ năm 1997, do vậy không đồng nhất với chuỗi số liệu trong nghiên cứu. Với những số liệu đã được mô tả trong Hình 2 và cho thấy trạng thái của ngân sách nhà nước VN là luôn thâm hụt do mở rộng chi tiêu công, tuy nhiên tỷ lệ thâm hụt luôn duy trì dưới 5% GDP. Nhưng cần nhớ rằng tiết kiệm công bằng thuế (T-Thu của Chính phủ) trừ đi chi tiêu mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ (G-Chi hay T-G). Do vậy, bội chi ngân sách phản ánh sự sụt giảm tiết kiệm công. Thâm hụt ngân sách dẫn tới nợ chính phủ tăng thêm, theo báo cáo tại phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nợ chính phủ đang tăng cao bằng: 33,8% GDP năm 2007, 36,2% GDP năm 2008, 41,9% GDP năm 2009 và dự báo lên đến 44,6% vào cuối năm 2010 [4].

Mô hình tăng trưởng thiên về chiều rộng thể hiện qua việc mở rộng quy mô xuất khẩu theo chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô chuyển dần sang chiến lược thay thế nhập khẩu. Kim ngạch xuất khẩu tăng đồng thời kéo theo nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, bán thành phẩm... cho sản xuất hàng xuất khẩu. Giá trị gia tăng của xuất khẩu rất thấp không chỉ ảnh hưởng tới tăng trưởng mà nhập khẩu tăng mạnh. Chẳng hạn năm 2009, với kim ngạch đạt 9,1 tỷ USD, dệt - may trở thành ngành xuất khẩu dẫn đầu cả nước. Tuy nhiên, để đạt được kim ngạch xuất khẩu này, ngành dệt - may vẫn phải nhập khẩu tới hơn 4,3 tỷ USD nguyên liệu, phụ liệu nước ngoài. Hay như trường hợp Tổng công ty cổ phần may Nhà Bè năm 2009, xuất khẩu đạt 240 triệu USD nhưng kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu của Tổng công ty chỉ đạt 150 triệu USD. Nguyên liệu, phụ liệu sản xuất trong nước chưa phong phú, đa dạng, giá bán lại cao hơn hàng nhập khẩu từ 5% đến 10% là lý do khiến DN này phải nhập khẩu phần lớn các loại nguyên liệu, phụ liệu [6].

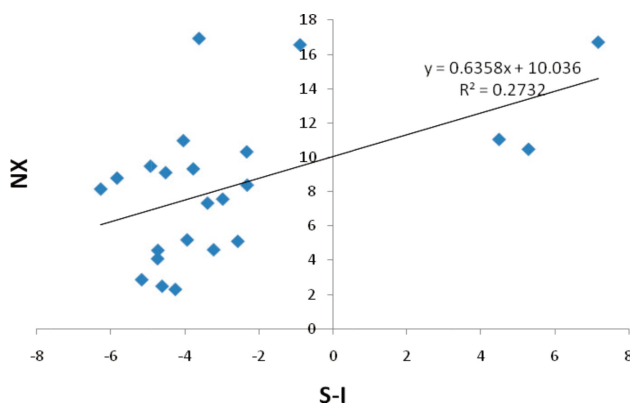
Không chỉ thâm dụng vốn, hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế VN thấp và xu hướng giảm dần. Hệ số ICOR thời kỳ 1986-1990 là 3,7, thời kỳ 1991-1995 là khoảng 3, 1996-2000 là 4,6, thời kỳ 2001-2006 là 4,9 và 2007-2009 là 5,6 [5]. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới chất lượng tăng trưởng kinh tế mà còn làm gia tăng nhu cầu đầu tư trong bối cảnh tiết kiệm quốc dân tăng chậm, khiến thâm hụt vốn cho đầu tư càng lớn. Tình trạng này đã dẫn tới áp lực mạnh tăng tỷ giá hối đoái của VN cho dù Ngân hàng Nhà nước có cố gắng phá

giá đồng VN.

5. Mối quan hệ giữa chênh lệch tiết kiệm và đầu tư với cán cân thương mại

Số liệu thống kê về xuất nhập khẩu, đầu tư và tiết kiệm của VN cho thấy từ những năm 1986 tới nay, khi mức tiết kiệm trong nước nhỏ hơn mức đầu tư thì chi tiêu công tăng mạnh và thâm hụt cũng tăng, đồng thời đẩy mạnh chính sách khuyến khích đầu tư. Chính những chính sách này đã đem tới những tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế của VN nhưng cũng đem tới những tác động tiêu cực nhất định. Trước hết là làm thiếu hụt vốn cho các dự án đầu tư trong nước tăng nhu cầu vay vốn nước ngoài, tiếp đó là những áp lực tăng tỷ giá hối đoái thực tế. Cả hai điều này làm cho thâm hụt cán cân thương mại của VN (cán cân thương mại - NX) cũng tăng lên như Hình 3.

Như vậy, suốt thời kỳ từ những năm đổi mới tới năm 2008 cán cân thương mại của VN luôn trong trạng thái thâm hụt và tình hình cũng không khá hơn trong năm 2009. Đồng thời, từ năm 1989 đến nay, tiết kiệm trong nước nhỏ hơn đầu tư và dường như thâm hụt ngân sách diễn ra liên tục nợ công tăng lên và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn ở những giai đoạn sau này. Tình hình này có thể được giải thích bằng hai phương trình nêu trên.



Hình 3. Quan hệ giữa % S-I và NX so với GDP của VN

Nguồn: Tổng cục Thống kê: Số liệu 20 năm đổi mới, xuất nhập khẩu VN sau 20 năm đổi mới, số liệu thống kê VN thế kỷ XX; Niên giám thống kê VN năm 2008; Tổng cục Thống kê năm 2009.

6. Kết luận và kiến nghị

6.1 Kết luận

Với những phân tích trên, nghiên cứu có một số kết luận như sau:

(1) Nhập siêu của nền kinh tế VN là một tất yếu trong quá trình phát triển khi nền kinh tế chưa đủ tích lũy để đầu tư phát triển. Nhưng tình hình sẽ bớt trầm trọng nếu chúng ta có thể nâng cao hiệu quả đầu tư nhất là đầu tư công và sử dụng chỉ tiêu ngân sách hợp lý, qua đó hạn chế giảm bớt nhập siêu để tiến dần tới cân bằng cán cân thương mại dù khó khăn.

(2) Mô hình tăng trưởng kinh tế VN dựa quá nhiều vào đầu tư, nhưng hoạt động này lại dàn trải, quản lý kém và hiệu quả thấp, nặng về quy mô chưa chú trọng tới chất lượng khiến nhu cầu vốn tăng mạnh vượt quá cao so với tiết kiệm trong nước. Cũng chính mở rộng quá mức đầu tư khiến nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị, hàng hóa dịch vụ cao hơn. Nếu tiếp tục theo đuổi các dự án kiểu như Tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam với số vốn 56 tỷ USD thì không chỉ liên quan tới nợ công của VN mà khó có thể giảm thâm hụt cán cân thương mại của VN chứ không nói tới cân bằng cán cân.

(3) Thâm hụt ngân sách dài hạn và tăng nợ chính phủ làm giảm tiết kiệm quốc dân gây thiếu hụt nguồn vốn cho đầu tư làm cho cán cân thâm hụt nhiều hơn.

(4) Tỷ giá hối đoái thực của VN luôn bị áp lực tăng giá trong những năm qua và vì vậy cũng cần có lộ trình điều chỉnh phù hợp.

(5) Chiến lược xuất khẩu chưa được điều chỉnh kịp thời; xuất khẩu sản phẩm thô và thay thế hàng nhập khẩu không thể cân bằng với nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất và nguyên vật liệu.

6.2 Kiến nghị

Nghiên cứu này cũng xin có một vài kiến nghị:

Trong những năm tới VN cần phải có những thay đổi căn bản như:

(1) Có thể hạn chế và giảm nhập siêu bằng cách căn bản nhất là điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế từ chỗ chỉ dựa vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và chưa tận dụng được nguồn lao động mới (chỉ sử dụng lao động giá rẻ) sang chỗ tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, tận dụng nguồn lực lao động và nâng dần năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; từ chủ yếu là công nghiệp gia công, lắp ráp sang đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế tạo chế biến, công nghiệp phụ trợ; từ chủ yếu xuất khẩu tài nguyên khoáng sản, nguyên liệu, sản phẩm thô sang tăng

tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm chế tạo chế biến.

(2) Điều chỉnh chiến lược ngoại thương theo hướng tập trung các nguồn lực sẵn có của quốc gia để phát triển các ngành công nghiệp đáp ứng được yêu cầu sản phẩm xuất khẩu. Điều này cho phép khai thác hiệu quả tài nguyên, lao động, giảm nhập siêu tăng thu ngoại tệ, phát triển sản xuất trong nước. Đồng thời phải duy trì chính sách tỷ giá phù hợp, duy trì giá tương đối của các nhân tố sản xuất và trợ giúp của chính phủ với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

(3) Nâng cao hiệu quả đầu tư, đầu tư công chỉ nên tập trung cho các công trình trọng điểm có ý nghĩa lớn với nền kinh tế, tăng cường cơ sở hạ tầng cho những vùng khó khăn, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Chú ý trình độ công nghệ các dự án và hạn chế các dự án công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

(4) Huy động các nguồn tiết kiệm trong nước theo hai hướng: (1) Tiết kiệm chi tiêu thường xuyên của Chính phủ và quản lý nợ công đảm bảo an toàn và hiệu quả; (2) Khuyến khích các hộ gia đình sử dụng các khoản tiết kiệm vào đầu tư sản xuất đồng thời với mở rộng tiêu dùng hàng hóa dịch vụ VN.

(5) Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động người VN ưu tiên dùng hàng VN một cách sâu rộng và phải bắt đầu từ các cơ quan của Chính phủ rồi đến người dân■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mankiw, N, G, 2003 *Macroeconomics*, Fifth Edition, Harvard University, Worth Publishers.
2. Mankiw, N, G, 2000 *Macroeconomics*, Second Edition, Harvard University, Worth Publishers.
3. Bùi Quang Bình (3/2010) “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phục hồi tăng trưởng kinh tế VN”, Tạp chí *Phát triển kinh tế*: số 233.
4. Nguyễn Văn Phú, *Quản lý nợ công*, www.the-saigontimes.vn/Home/thoisu/sukien/34338.
5. Tổng cục Thống kê: Số liệu 20 năm đổi mới, Xuất nhập khẩu VN sau 20 năm đổi mới, Số liệu thống kê VN thế kỷ XX; Niên giám thống kê VN năm 2008; Tổng cục Thống kê năm 2009.
6. Báo *Nhân dân điện tử*, www.nhandan.com.vn/tin-bai/?article=166403&sub=128&top=38.